TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TN
HỘI ĐỒNG THI TN LỚP TCLLCT-HC
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K50
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 8 năm 2021

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA K50 TẠI TRƯỜNG

Khối kiến thức III: Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị, NNPL và QLHCNN; một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
Phòng 1							
1	Nguyễn Quỳnh Anh	01/12/1986	01	17	7,5	*Bảy rưỡi*	
2	Dương Đình Bình	09/6/1978	02	29	7,0	*Bảy*	
3	Tạ Văn Bình	10/3/1980	03	24	7,0	*Bảy*	
4	Lý Văn Cường	11/11/1983	04	19	7,0	*Bảy*	
5	Nguyễn Mạnh Cường	20/10/1980	05	27	7,5	*Bảy rưỡi*	
6	Nguyễn Đình Dũng	13/8/1985	06	09	7,0	*Bảy*	
7	Nguyễn Thành Đạt	13/01/1986	07	11	7,0	*Bảy*	
8	Dương Anh Đức	05/01/1982	08	25	7,5	*Bảy rưỡi*	
9	Cao Hồng Đức	10/3/1973	09	04	7,5	*Bảy rưỡi*	
10	Nguyễn Văn Giang	08/5/1967	10	13	7,0	*Bảy*	
11	Phạm Văn Giáp	01/4/1985	11	12	7,0	*Bảy*	
12	Trần Thái Hà	27/9/1978	12	22	7,0	*Bảy*	
13	Vũ Thị Thu Hằng	30/8/1980	13	07	7,5	*Bảy rưỡi*	
14	Vũ Văn Hiền	02/8/1985	14	14	7,5	*Bảy rưỡi*	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
15	Dương Thị Bích Hồng	08/7/1983	15	20	7,0	*Bảy*	
16	Nguyễn Thị Thúy Hồng	05/02/1976	16	28	8,0	*Tám*	
17	Nguyễn Văn Hùng	09/01/1982	17	15	7,0	*Bảy*	
18	Lâm Thanh Hùng	05/8/1983	18	03	7,5	*Bảy rưỡi*	
19	Nguyễn Mạnh Hùng	05/01/1979	19	18	7,0	*Bảy*	
20	Vũ Thị Khánh Huyền	20/4/1989	20	26	7,5	*Bảy rưỡi*	
21	Nguyễn Việt Hưng	15/9/1978	21	02	7,0	*Bảy*	
22	Tống Thị Hương	12/12/1978	22	10	7,5	*Bảy rưỡi*	
23	Phùng Thị Hương	17/6/1987	23	01	7,5	*Bảy rưỡi*	
24	Phạm Như Khoa	01/3/1971	24	05	7,5	*Bảy rưỡi*	
25	Nguyễn Thị Vân Kiều	09/11/1975	25	06	7,5	*Bảy rưỡi*	
26	Đào Quốc Kỳ	22/5/1974	26	08	7,0	*Bảy*	
27	Nguyễn Thị lan	10/7/1984	27	16	7,5	*Bảy rưỡi*	
28	Dương Thế Lâm	15/12/1967	28	21	7,0	*Bảy*	
29	Đỗ Diệu Lê	18/8/1989	29	23	8,0	*Tám*	
Phòng 2							
30	Hà Thị Liễu	30/12/1980	30	12	7,5	*Bảy rưỡi*	
31	Mai Thị Loan	01/12/1980	31	33	7,5	*Bảy rưỡi*	
32	Ngô Thị Thanh Mai	22/10/1985	32	30	8,0	*Tám*	
33	Đỗ Thị Mai	26/02/1989	33	28	8,0	*Tám*	
34	Hà Long Minh	21/6/1976	34	25	7,5	*Bảy rưỡi*	
35	Phạm Thị Trà My	01/9/1985	35	24	8,0	*Tám*	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
36	Hoàng Văn Năm	02/4/1979	36	18	7,0	*Bảy*	
37	Nguyễn Thị Bích Ngọc	25/11/1985	37	37	7,5	*Bảy rưỡi*	
38	Lương Thị Bích Phượng	30/10/1984	38	01	7,0	*Bảy*	
39	Nguyễn Hồng Quang	07/7/1979	39	29	7,0	*Bảy*	
40	Nguyễn Thị Quyên	15/12/1977	40	10	7,5	*Bảy rưỡi*	
41	Đỗ Minh Quỳnh	06/10/1984	41	19	7,5	*Bảy rưỡi*	
42	Lê Văn Quỳnh	18/11/1984	42	35	8,0	*Tám*	
43	Phan Thị Sinh	19/4/1977	43	26	7,5	*Bảy rưỡi*	
44	Cù Thái Sơn	06/8/1972	44	16	7,0	*Bảy*	
45	Nguyễn Thành Sơn	11/9/1975	45	20	7,0	*Bảy*	
46	Lê Ngọc Thanh	10/10/1984	46	14	7,0	*Bảy*	
47	Phạm Quang Thanh	23/5/1982	47	03	7,5	*Bảy rưỡi*	
48	Vũ Công Thành	03/5/1983	48	11	7,0	*Bảy*	
49	Hoàng Thị Thảo	15/4/1980	49	15	7,5	*Bảy rưỡi*	
50	Đỗ Xuân Thảo	09/5/1983	50	04	7,0	*Bảy*	
51	Vũ Chiến Thắng	30/4/1985	51	32	7,0	*Bảy*	
52	Ngô Ngọc Thắng	20/6/1980	52	22	7,5	*Bảy rưỡi*	
53	Nguyễn Việt Thắng	10/01/1970	53	08	7,5	*Bảy rưỡi*	
54	Dương Thị Ngọc Thương	23/5/1987	54	13	7,0	*Bảy*	
55	Trần Bích Thủy	19/3/1980	55	02	7,5	*Bảy rưỡi*	
56	Trần Dương Tiến	27/5/1983	56	23	7,5	*Bảy rưỡi*	
57	Nguyễn Huy Tiến	30/10/1985	57	27	7,0	*Bảy*	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
58	Nguyễn Quang Toàn	05/8/1984	58	21	7,5	*Bảy rưỡi*	
59	Phạm Khánh Toàn	26/11/1971	59	07	8,0	*Tám*	
60	Hoàng Minh Tú	05/3/1986	60	06	8,0	*Tám*	
61	Trịnh Ngọc Tú	09/8/1989	61	31	7,5	*Bảy rưỡi*	
62	Nguyễn Thanh Tú	29/3/1984	62	38	7,0	*Bảy*	
63	Dương Minh Tuấn	18/4/1985	63	36	7,5	*Bảy rưỡi*	
64	Lê Anh Tuấn	24/6/1981	64	05	7,0	*Bảy*	
65	Nguyễn Thị Tuyến	09/12/1983	65	34	7,5	*Bảy rưỡi*	
66	Vũ Quang Vinh	11/11/1974	66	09	7,5	*Bảy rưỡi*	
67	Hoàng Yến	12/7/1984	67	17	7,5	*Bảy rưỡi*	

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Hồng Mây

HIỆU TRƯỞNG – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thu Huyền